

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**;
2. Ông **Vũ Xuân Vương**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Dương Văn Khánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị **Đỗ Thị Kim N**, sinh năm: 1980

HKTT và nơi cư trú: Số 132, xóm 3, thôn TH, xã TH, huyện ĐT, tỉnh LD.

- *Bị đơn*: anh **Đỗ Khắc T**, sinh năm: 1980

HKTT và nơi cư trú: Tổ 8, ấp 2, xã XT, huyện CM, tỉnh DN.

(Anh T vắng mặt không có lý do; chị N đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị **Đỗ Thị Kim N** trình bày:

Chị và anh **Đỗ Khắc T** bắt đầu quen biết tìm hiểu nhau từ đầu năm 2009 thông qua mai mối. Đến năm 2010 anh chị tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện ĐT, tỉnh LD, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn TH, xã TH, huyện ĐT, tỉnh LD.

Đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Ngoài ra anh T thường xuyên rượu chè say xỉn không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên từ tháng 12/2012 thì vợ chồng sống ly thân, anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp 2, xã XT, huyện CM, tỉnh ĐN sinh sống cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Khắc T.

Về con chung: Anh chị có con chung là cháu Đỗ Hồng N1, sinh ngày 07/11/2010, hiện tại cháu N1 đang ở cùng với chị, nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hồng N1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Khắc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- *Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:*

+ Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh con chung (bản sao); Bản tự khai; Đơn xác nhận; biên bản lấy lời khai của đương sự; biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện CM, tỉnh ĐN phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N và anh T ly hôn; về con chung: giao cháu Đỗ Hồng N1, sinh ngày 07/11/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Đỗ Khắc T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 8, ấp 2, xã XT, huyện CM, tỉnh ĐN (BL 10, 28, 29). Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh ĐN.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh Đỗ Khắc T nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim N và anh Đỗ Khắc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện ĐT, tỉnh LD cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vào ngày 06/8/2010 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo chị N thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, từ tháng 12/2012 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Khắc T.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Biên bản xác minh ngày 24/12/2020 tại Công an xã XT, huyện CM, tỉnh ĐN và Biên bản xác minh ngày 24/12/2020 tại nhà ông Đỗ Khắc T1 là ba ruột anh Đỗ Khắc T xác định, anh T và chị N kết hôn với nhau từ năm 2010 và chung sống tại xã TH, huyện ĐT, tỉnh LD, đến năm 2012 vợ chồng anh T và chị N xảy ra mâu thuẫn do anh T thường uống rượu say xỉn nên vợ chồng cãi vã, gia đình chị N cũng không cho anh T tiếp tục ở lại. Nên từ cuối năm 2012 vợ chồng anh T, chị N đã sống ly thân, anh T về sinh sống cùng với ông T1 tại tổ 8, ấp 2, xã XT cho đến nay và vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Như vậy, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh Đỗ Khắc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ anh T không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

3.2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị Kim N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Hồng N1, sinh ngày 07/11/2010 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đây là yêu cầu tự nguyện của chị N, đồng thời cháu N1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị N. Anh T cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai về vấn đề này. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị N.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có lời khai về việc này, nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Do chị Đỗ Thị Kim N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 131 của Luật hôn HN và GD năm 2014;

- Căn cứ Điều 85; khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 93, 94 của Luật HN và GD năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim N được ly hôn với anh Đỗ Khắc T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Hồng N1, sinh ngày 07/11/2010 cho chị Đỗ Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Đỗ Khắc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0009006 ngày 20

tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh ĐN. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- THADS huyện CM;
- UBND xã TH, h ĐT, t LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang